

DÂN SỐ VÀ NHÓM DÂN SỐ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ: NHỮNG TÁC ĐỘNG TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM

Bùi Thị Minh Tiệp*

Bài viết này sử dụng phương pháp Tài khoản chuyển giao quốc dân (NTA) để xác định nhóm dân số hoạt động kinh tế, đồng thời kết hợp với phương pháp toán học để đánh giá tác động yếu tố dân số đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Kết quả cho thấy: Nhóm dân số có đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam không phải tất cả dân trong tuổi lao động mà là nhóm dân số 22-53 tuổi. Yếu tố dân số đã đóng góp 1,2% cho tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1989-1999 và 1,58% giai đoạn 1999-2009. Tác động tích cực này giảm dần và sau năm 2019 tác động này là âm. Cụ thể, giai đoạn 2019-2029 biến đổi dân số làm giảm 0,56% tốc độ tăng trưởng kinh tế, và ở giai đoạn 2029-2039 làm giảm 0,68%. Như vậy, sau năm 2019, tăng trưởng kinh tế chủ yếu phụ thuộc vào năng suất lao động.

Từ khóa: biến đổi dân số, dân số vàng, tăng trưởng kinh tế

1. Giới thiệu

Tăng trưởng kinh tế là chỉ tiêu kinh tế quan trọng nhất và là vấn đề quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Cả lý thuyết và thực tế nghiên cứu đều cho thấy dân số là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu đối với tăng trưởng kinh tế.

Ở Việt Nam, kể từ sau cuộc tổng điều tra dân số năm 1979, dân số nước ta đã có những biến đổi mạnh mẽ cả về quy mô và cơ cấu. Tổng dân số đã tăng gấp 1,6 lần giai đoạn 1979-2009, trong đó nhóm dân số trong tuổi lao động tăng 2,1 lần. Nhóm dân số trẻ em đã giảm mạnh về tỷ trọng, từ 42,55% xuống còn 25,01% trong tổng dân số. Những biến đổi này tạo nên “cơ cấu dân số vàng” giai đoạn 2007 - 2039 với nhiều cơ hội cho tăng trưởng kinh tế.

Nói đến “cơ cấu dân số vàng” là nói đến dân số trong tuổi lao động chiếm khoảng 67% trở lên trong tổng dân số, tức là trong thời kỳ này cứ hơn hai người trong tuổi lao động mới gánh một người phụ thuộc. Với cách tiếp cận phổ biến này, nhiều công trình nghiên cứu đã tính toán mức độ tác động của nhóm dân số trong tuổi lao động tới tăng trưởng kinh tế.

Nghiên cứu của Kelley và Schmidt (2005) thực

hiện ở 86 quốc gia trên thế giới thông qua việc ước lượng phương trình hồi quy tăng trưởng với biến đại diện là nhóm dân số trong tuổi lao động và nhóm dân số phụ thuộc. Kết quả cho thấy, tăng dân số trong tuổi lao động có ảnh hưởng tích cực tới tăng trưởng kinh tế. Biến dân số đã đóng góp 8% cho tăng trưởng kinh tế toàn cầu, cho châu Âu là 24% cùng trong giai đoạn 1965-1990. Nghiên cứu cũng chỉ rõ trong giai đoạn này, các quốc gia Châu Âu đang trải qua thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” với lực lượng lao động tăng mạnh trong tổng dân số.

Bloom và Williamson (1998) sử dụng phương pháp hồi quy tăng trưởng với biến đại diện là tốc độ tăng lao động và tốc độ tăng dân số để nghiên cứu quan hệ dân số- kinh tế ở các nước Đông Á. Kết quả nghiên cứu khẳng định, “cơ cấu dân số vàng” đã đóng góp 37% cho tăng trưởng kinh tế thần kỳ ở Đông Á giai đoạn 1960-1990. Tương tự, nghiên cứu của Ogawa và cộng sự (2005) và Cai và Wang (2006) cũng cho thấy, biến đổi dân số đóng góp cho tăng trưởng kinh tế Nhật Bản là 30%, Trung Quốc là 20%.

An và Jeon (2006) đã sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất hiệu chỉnh toàn phần (FMOLS) và dữ liệu nhân khẩu học hàng năm của Hàn Quốc giai

đoạn 1972 - 2003 để nghiên cứu tác động của biến đổi dân số đến tăng trưởng kinh tế ở đất nước này. Kết quả cho thấy, biến đổi dân số với “cơ cấu dân số vàng” đã đóng góp 30% cho tăng trưởng kinh tế Hàn Quốc trong thời kỳ nghiên cứu.

Nghiên cứu của Pei-Ju-Liao (2011) cho Đài Loan thông qua việc sử dụng mô hình cân bằng tổng thể có hiệu chỉnh để đo lường mức độ tác động của biến đổi dân số đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả cho thấy, biến đổi dân số làm cho lực lượng lao động tăng mạnh đã đóng góp 38% cho tăng trưởng kinh tế Đài Loan thời kỳ 1975-2009.

Ở Việt Nam, quan hệ dân số - tăng trưởng kinh tế đã trở thành mảng đề tài lớn có tính thời sự cao, được nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu trong những năm gần đây. Nguyễn Thị Minh (2009) dựa trên số liệu bình quân về tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động (15-65 tuổi), bình quân tỷ trọng đầu tư trên GDP trong phạm vi 56 tỉnh/thành phố... để giải thích cho tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người giai đoạn 2002-2006 thông qua phương pháp hồi quy tăng trưởng. Kết quả nghiên cứu khẳng định, biến đổi cơ cấu tuổi của dân số đóng góp khoảng 14,5% trong mức tăng trưởng của thu nhập bình quân đầu người. Nguyễn Đình Cử và Hà Tuấn Anh (2010) bằng phương pháp toán tăng trưởng, sử dụng số liệu về dân số và dự báo dân số trong tuổi lao động thời kỳ 1989-2059 để đánh giá lợi thế về “dân số vàng” ở Việt Nam. Kết quả cho thấy, giai đoạn 1999-2009, biến đổi cơ cấu tuổi dân số đóng góp tới 2,29% cho tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Dễ dàng nhận thấy, trong hầu hết các nghiên cứu nói trên đều sử dụng biến đại diện trong nghiên cứu là “dân số trong tuổi lao động” và tính toán tác động của biến đổi dân số đến tăng trưởng kinh tế thông qua việc tính mức đóng góp của dân số trong tuổi lao động và tổng dân số. Tuy nhiên, trên thực tế có nhiều người trong tuổi lao động không tham gia hoạt động kinh tế hoặc có hoạt động kinh tế nhưng không có tích lũy (tức là họ vẫn phải phụ thuộc về kinh tế ngay cả khi họ đang trong tuổi lao động), đồng thời có nhiều người ngoài tuổi lao động vẫn tích cực hoạt động kinh tế (tức là họ ở nhóm dân số phụ thuộc nhưng họ lại không phải phụ thuộc). Các nghiên cứu và tranh luận cũng chưa có sự thống nhất quy ước về độ tuổi lao động và công thức tính tỷ số phụ thuộc dân số. Do vậy, thay vì sử dụng nhóm *dân số trong tuổi lao động*, nên phân biệt và

sử dụng nhóm *dân số hoạt động kinh tế* với nhóm *dân số không hoạt động kinh tế*. Mặt khác, nhiều người lao động tham gia hoạt động kinh tế nhưng lại chi tiêu nhiều hơn những gì họ sản xuất và ngược lại. Vì thế, cần xác định được dân số ở nhóm tuổi nào thực sự tạo được thu nhập lớn hơn tiêu dùng để các tính toán được sát thực hơn với đối tượng nghiên cứu, từ đó phản ánh chi tiết hơn tác động của các biến dân số đến tăng trưởng kinh tế.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tiếp cận Tài khoản chuyển giao quốc dân (National Transfer Accounts – NTA) để xác định nhóm *dân số hoạt động kinh tế* và *có thu nhập lớn hơn tiêu dùng* ở Việt Nam. Kết hợp phương pháp NTA với phương pháp toán tăng trưởng, thay nhóm *dân số trong tuổi lao động* bằng *dân số hoạt động kinh tế* và *có tích lũy*, từ đó tính toán cụ thể mức độ tác động của các biến dân số đến tăng trưởng kinh tế Việt thời kỳ 1979 – 2009 và thời kỳ 2009 - 2049. Nghiên cứu cũng làm rõ vai trò của năng suất lao động đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong dài hạn. Khi “cơ cấu dân số vàng” kết thúc cùng với dân số già hóa nhanh, Việt Nam sẽ không còn lợi thế về nguồn lao động dồi dào, cộng thêm những chi phí tài chính hưu trí tăng mạnh và các vấn đề về việc làm, an sinh xã hội,... khi đó nếu chất lượng lao động chưa được cải thiện đủ lớn sẽ là thách thức nghiêm trọng đối với tăng trưởng kinh tế, thậm chí Việt Nam có thể sẽ vương vãi thu nhập trung bình.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Bằng phương pháp tiếp cận mới về quan hệ dân số - tăng trưởng kinh tế, bài viết này đo lường tác động của biến đổi dân số đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai (1979 – 2049) với xuất phát điểm là phương trình thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế, bắt nguồn từ công thức tính tốc độ tăng trưởng:

$$g_Y^t = \frac{Y^t - Y^{t-1}}{Y^{t-1}} \times 100\% \quad (1)$$

Trong đó: g_Y^t là tốc độ tăng trưởng kinh tế của thời kỳ t ; Y^t và Y^{t-1} là GDP thực tế của thời kỳ t và thời kỳ $t-1$

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế được tính bằng công thức (1) chưa phản ánh được sự gia tăng về mức thu nhập của dân chúng. Do vậy, nếu chỉ xem xét tăng trưởng kinh tế dựa vào công thức này thì có thể xảy ra trường hợp tăng trưởng kinh tế

đương nhưng mức sống dân chúng có thể bị giảm xuống nếu tốc độ tăng dân số lớn hơn tốc độ tăng GDP.

Gần đây nhiều nghiên cứu sử dụng chỉ tiêu tăng trưởng GDP bình quân đầu người để phản ánh đúng hơn về tăng trưởng kinh tế, được xác định bởi công thức:

$$g'_y = \frac{\tilde{y}^t - \tilde{y}^{t-1}}{\tilde{y}^{t-1}} \times 100\% \quad (2)$$

Trong đó: g'_y là tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của thời kỳ t ; $\tilde{y}^t$ và $\tilde{y}^{t-1}$ là GDP thực tế bình quân đầu người của thời kỳ t và thời kỳ $t-1$.

Công thức (2) vừa thể hiện được chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, đồng thời phản ánh được tiêu chí về mức sống của người dân. Mặt khác, công thức này cũng thể hiện rõ ràng hơn mối quan hệ dân số với tăng trưởng kinh tế.

Với Y là GDP thực tế, N là dân số và L là dân số trong tuổi lao động, chỉ tiêu GDP thực tế bình quân đầu người được tính theo công thức:

$$\tilde{y} = \frac{Y}{N} = \frac{Y}{L} \times \frac{L}{N} \quad (3)$$

Bằng phương pháp biến đổi toán học thông thường, dễ dàng thiết lập được công thức tính tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người như sau:

$$g_y = g_{Y/L} + g_L - g_N \quad (4)$$

Như vậy, công thức (4) cho thấy tốc độ tăng trưởng GDP thực tế bình quân đầu người (g_y) được quyết định bởi tốc độ tăng năng suất lao động ($g_{Y/L}$) cộng với tốc độ tăng dân số trong tuổi lao động (g_L) và trừ đi tốc độ tăng dân số (g_N). Nói cách khác, nếu không tính tới yếu tố năng suất lao động thì biến đổi dân số tác động tới tăng trưởng kinh tế được xác định bởi chênh lệch giữa tốc độ tăng lao động với tốc độ tăng dân số ($g_L - g_N$).

Các nghiên cứu gần đây thường nhắc tới thuật ngữ “cơ cấu dân số vàng” được đặc trưng bởi nhóm dân số trong độ tuổi lao động (15-60 tuổi hoặc 15-64 tuổi hoặc 19-65 tuổi, tùy vào cách tiếp cận nghiên cứu) thông qua việc tính tỷ số phụ thuộc dân số. Nếu dân số trong tuổi lao động được xác định là

nhóm tuổi từ 15-64, tỷ số phụ thuộc dân số được xác định như sau:

$$DR = \frac{P_{0-14} + P_{65+}}{P_{15-64}} \times 100 \quad (5)$$

Trong đó, P_{0-14} là nhóm dân số trẻ em, và P_{65+} là nhóm dân số cao tuổi. Cả 2 nhóm này đều được coi là dân số phụ thuộc, nhóm dân số từ 15-64 tuổi (P_{15-64}) được coi là những trụ cột “gánh” những người phụ thuộc. Ở thời kỳ mà tỷ số phụ thuộc dân số (DR) nhỏ hơn 50, thì dân số đạt “cơ cấu dân số vàng”, với nhiều cơ hội để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế do số lượng lao động lớn.

Tuy nhiên, sử dụng phương trình (4) chỉ có thể tính toán tác động của nhóm dân số trong tuổi lao động tới tăng trưởng kinh tế, chưa phản ánh được tác động của *nhóm dân số hoạt động kinh tế và có thu nhập lớn hơn tiêu dùng* tới tăng trưởng.

Để xác định nhóm tuổi thực sự có tham gia hoạt động kinh tế và/hoặc có tích lũy (mới có thể “gánh” người phụ thuộc), nghiên cứu sử dụng phương pháp Tài khoản chuyên giao quốc dân (NTA) với việc tính toán thu nhập và chi tiêu của một người Việt Nam điển hình. Cơ sở của phương pháp NTA dựa trên cơ sở mô hình vòng đời về tiết kiệm, đầu tư và sự thay đổi cụ thể về tuổi lao động trong mối quan hệ với năng suất lao động. Cuộc đời mỗi người sẽ có thể chia thành ba giai đoạn: phụ thuộc về kinh tế khi còn trẻ, tạo thu nhập khi tham gia hoạt động kinh tế và rồi lại phụ thuộc về kinh tế khi ở tuổi già. Như vậy, một người lao động có thu nhập lớn hơn chi tiêu, hoặc ngược lại, tùy thuộc trước hết vào độ tuổi. NTA đo lường ở cấp độ tổng hợp về sự tái phân bổ các nguồn lực kinh tế hay các dòng chảy kinh tế từ nhóm tuổi này sang nhóm tuổi khác dựa trên sự khác biệt giữa sản xuất và tiêu dùng. Chênh lệch giữa sản xuất và tiêu dùng ở cấp độ tổng thể chính là phần đóng góp cho tăng trưởng kinh tế.

Theo như công thức (3) cho thấy thu nhập bình quân đầu người phụ thuộc vào năng suất lao động của dân số trong độ tuổi lao động (Y/L) và tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động trong tổng dân số (L/N). Giả sử tất cả dân số trong tuổi lao động (L) đều tham gia hoạt động kinh tế, khi đó tỷ số L/N còn được gọi là tỷ số hỗ trợ kinh tế (Economic Support Ratio). Tỷ số này cho biết bao nhiêu người lao động “gánh” toàn bộ dân số. Dựa trên phương pháp NTA, tỷ số

hỗ trợ tính theo tuổi a vào năm t được ước lượng như sau:

$$\frac{L(t)}{N(t)} = \frac{\sum \alpha(a) \cdot P(a,t)}{\sum \beta(a) \cdot P(a,t)} \quad (6)$$

(Tính tổng theo tuổi a)

Trong đó $\alpha(a)$ là năng suất lao động trung bình của một người tại tuổi a ; $\beta(a)$ là mức tiêu dùng trung bình của một người tại tuổi a ; $P(a,t)$ là tổng dân số trong độ tuổi a tại thời điểm t . Biểu thức $\sum \alpha(a)P(a,t)$ cho biết tổng thu nhập thực tế (effective producers), trong khi biểu thức $\sum \beta(a)P(a,t)$ cho biết tổng tiêu dùng thực tế (effective consumers).

Dựa vào dự báo dân số và sự thay đổi cấu trúc tuổi, nghiên cứu sẽ chỉ ra những giai đoạn mà Việt Nam có thể thu được lợi ích từ biến đổi dân số cho tăng trưởng kinh tế. Số liệu dùng cho mô hình là các khoản chi tiêu và thu nhập chi tiết cho từng độ tuổi:

- Thu nhập ở mỗi độ tuổi bao gồm: Thu nhập từ tiền công, tiền lương, thu nhập từ tự làm và thu khác.

Thông tin thu nhập từ tự làm thường chỉ được thống kê ở cấp hộ gia đình chứ không phải cho từng cá nhân nên ta phải giả định rằng mỗi cá nhân ở cùng một độ tuổi (không phân biệt giới tính, tình trạng sức khỏe...) sẽ có đóng góp như nhau đến tổng thu nhập tự làm của hộ gia đình. Phương pháp NTA đề xuất việc ước lượng thu nhập tự làm cho các cá nhân ở từng tuổi như sau:

$$\text{Thu nhập từ tự làm} = \beta_0 n_0 + \beta_1 n_1 + \dots + \beta_k n_k \quad (7)$$

Trong đó: n_i là số người ở độ tuổi i ($i=0-90$) trong hộ gia đình; β_i là tỷ lệ đóng góp của những người ở tuổi i vào tổng thu nhập tự làm của hộ gia đình.

- Thông tin về chi tiêu ở mỗi độ tuổi bao gồm: Chi tiêu công về giáo dục, y tế và khác; chi tiêu cá nhân về giáo dục, y tế và khác.

Tương tự như phần thu nhập, một số thông tin có thể thu thập trực tiếp ở từng độ tuổi, tuy nhiên một số thông tin phải ước lượng từ số liệu cấp hộ sang cấp cá nhân.

Nghiên cứu sẽ sử dụng nguồn số liệu từ Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS 2008) để thu thập các thông tin chủ yếu sau: Những đặc điểm về nhân khẩu học của các thành viên trong hộ; Thu nhập từ tiền công tiền lương của các thành viên trong hộ gia đình, bên cạnh đó thu thập các thông tin về thu nhập từ tự làm của hộ; Chi tiêu hộ gia đình:

Mức chi tiêu, chi tiêu phân theo mục đích chi và khoản chi (chi cho ăn, mặc, ở, đi lại, giáo dục, y tế, văn hoá...); Thông tin về tình hình đi học của các thành viên trong hộ.

Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng các số liệu vĩ mô như: GDP, Tỷ lệ tiêu dùng cuối cùng trong GDP, cơ cấu chi tiêu của Chính phủ và tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình trong Tổng tiêu dùng cuối cùng; Tỷ lệ chi tiêu cho y tế trong tổng GDP, cơ cấu chi tiêu cho y tế ở khu vực Nhà nước và tư nhân; Tỷ lệ chi tiêu cho giáo dục ở các cấp trình độ, cơ cấu chi tiêu này theo Nhà nước và tư nhân; Thu nhập của người lao động và thu nhập từ tự làm (Nguồn thu thập và tính toán từ Bảng IO 2007, Hệ thống tài khoản quốc gia Việt Nam (SNA)).

Dựa trên phương pháp tính của NTA, tính toán với số liệu của Việt Nam sẽ có được thông số về mức chi tiêu bình quân và thu nhập bình quân ở mỗi độ tuổi

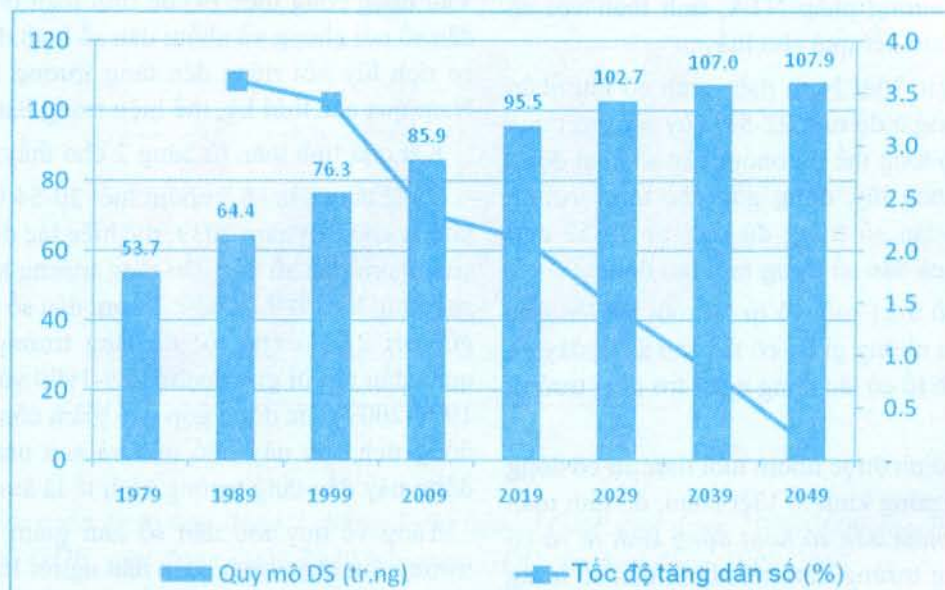
3. Biến đổi dân số và dân số hoạt động kinh tế ở Việt Nam: lịch sử và dự báo

Trong suốt hơn 30 năm qua, dân số nước ta không ngừng tăng về quy mô mặc dù tốc độ tăng đã giảm mạnh. Quy mô dân số tăng từ 53,7 triệu người năm 1979 lên 85,9 triệu người vào năm 2009 trong đó dân số trẻ em giảm cả về số lượng và tỷ trọng, dân số trong tuổi lao động tăng từ 28,3 triệu người lên 58,7 triệu người (gấp 2,1 lần). Lực lượng lao động gia tăng mạnh đúng vào thời kỳ Việt Nam mở cửa hội nhập với kinh tế thế giới, tạo ra thế và lực mới, đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế đất nước.

Theo kết quả dự báo dân số Việt Nam giai đoạn 2009 – 2049 của Tổng cục Thống kê (2010), dân số Việt Nam sẽ tiếp tục giữ đà tăng và đạt mức 100 triệu người vào năm 2025 và đến năm 2049 quy mô dân số nước ta có thể lên tới 108 triệu người. Sự gia tăng về quy mô này là do đóng góp chính bởi hai yếu tố: số trẻ em sinh ra còn sống hàng năm lớn (do đà tăng dân số) và tuổi thọ tăng. Tuy nhiên, tốc độ tăng dân số giảm rõ rệt so với các thời kỳ trước.

Cơ cấu dân số Việt Nam theo tuổi có sự biến đổi lớn trong hơn 30 năm qua và cũng còn tiếp tục có những dịch chuyển lớn trong những năm tới. Cùng với sự tăng mạnh về lực lượng lao động, dân số trẻ em tương đối ổn định về quy mô nhưng giảm mạnh về tỷ trọng, dân số cao tuổi cũng tăng lên với tốc độ tăng ngày càng lớn. Nhóm dân số trong tuổi lao động tăng mạnh cho đến khoảng năm 2019 và sau đó tốc độ tăng giảm dần do người lao động dần đến

Hình 1: Quy mô và tốc độ tăng dân số Việt Nam, 1979-2049



Nguồn: Tính toán từ số liệu tổng điều tra dân số 1979-2009 và số liệu dự báo dân số Việt Nam của TCTK (2010)

tuổi nghỉ hưu và dịch chuyển sang nhóm dân số già trong khi dân số bổ sung vào lực lượng lao động hàng năm giảm từ dân số trẻ em giảm. Giả sử tất cả những người trong độ tuổi lao động (15-60 hoặc 15-64 tuổi) đều tham gia hoạt động kinh tế, biến động về dân số và dân số hoạt động kinh tế ở Việt Nam được thể hiện trong Bảng 1.

Sự tăng lên của dân số trong tuổi lao động diễn ra cùng với sự giảm sút về dân số trẻ em làm cho tỷ số phụ thuộc dân số duy trì ở mức dưới 50 bắt đầu khoảng từ năm 2007 cho đến năm 2039. Đây chính là thời kỳ “cơ cấu dân số vàng”, là cơ hội vàng để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của Việt Nam.

4. Đánh giá tác động của biến đổi dân số đến

Bảng 1: Biến động dân số và dân số hoạt động kinh tế ở Việt Nam, 1979- 2049

Nhóm tuổi	1979	1989	1999	2009	2019	2029	2039	2049
0-14	22,87	25,11	25,56	21,47	21,77	20,10	18,39	17,83
15 - 19	6,13	6,76	8,22	8,75	6,68	7,51	6,65	6,07
20 - 24	4,98	6,12	6,76	7,91	7,19	6,95	7,19	6,17
25 - 29	3,79	5,67	6,47	7,61	8,87	6,62	7,46	6,6
30 - 34	2,54	4,70	6,00	6,86	8,33	7,12	6,89	7,13
35 - 39	2,17	3,28	5,55	6,53	7,68	8,77	6,57	7,4
40 - 44	2,04	2,19	4,51	6,02	6,75	8,22	7,05	6,82
45 - 49	2,15	2,00	3,11	5,49	6,38	7,55	8,65	6,47
50 - 54	1,76	1,87	2,14	4,54	5,77	6,58	8,03	6,89
55 - 59	1,59	1,93	1,80	2,99	5,19	6,13	7,28	8,34
60 - 64	1,23	1,55	1,76	1,99	4,1	5,42	6,21	7,59
65+	2,52	3,22	4,45	5,68	6,75	11,68	16,65	20,57
Tổng	53,74	64,38	76,33	85,85	95,47	102,65	107,02	107,88

Nguồn: Tính toán từ số liệu Tổng điều tra dân số 1979-2009 và số liệu dự báo dân số Việt Nam, 2009-2049 của TCTK (2010)

tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam

Vận dụng phương pháp NTA, tính toán với số liệu của Việt Nam kết quả cho thấy:

Một người dân Việt Nam điển hình có thu nhập lớn hơn tiêu dùng ở độ tuổi 22-53. Suy rộng kết quả này trên góc độ tổng thể thì nhóm dân số hoạt động kinh tế và có tích lũy, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế chỉ là dân số trong độ tuổi từ 22-53 chứ không phải tất cả dân số trong tuổi lao động.

Nhóm dân số 0-21 tuổi và từ 54 tuổi trở lên tiêu dùng nhiều hơn những gì họ có thể sản xuất, đây có thể là một thành tố có tác động ngăn trở tăng trưởng kinh tế.

Từ việc xác định được nhóm tuổi thực sự có đóng góp cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam, để tính toán tác động của *nhóm dân số hoạt động kinh tế và có tích lũy* tới tăng trưởng kinh tế, nhóm dân số trong tuổi lao động được thay thế bằng nhóm dân số từ 22-53 tuổi. Tuy nhiên, do số liệu Tổng điều tra dân số Việt Nam của Tổng cục Thống kê được tập hợp theo nhóm 5 độ tuổi nên nghiên cứu này sẽ sử dụng

nhóm dân số từ 20 đến 54 tuổi thay vì 22-53 tuổi. Vận dụng công thức (4) để tính toán đóng góp của dân số nói chung và nhóm dân số hoạt động kinh tế, có tích lũy nói riêng đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam qua các thời kỳ, thể hiện trong bảng 2.

Kết quả tính toán từ bảng 2 cho thấy:

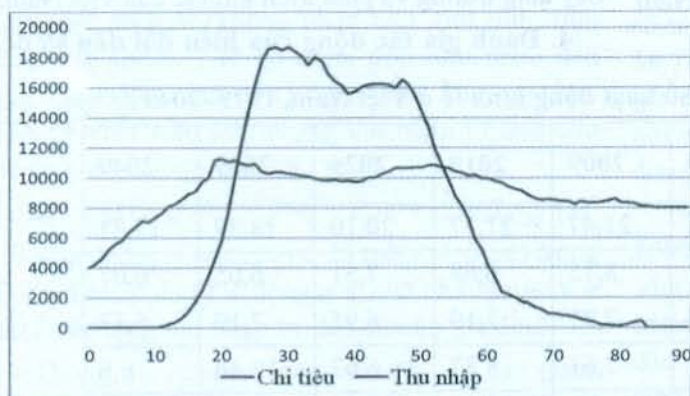
Tỷ lệ tăng dân số ở nhóm tuổi 20-54 luôn lớn hơn không cho đến năm 2039, thể hiện tác động tích cực của nhóm dân số này đến tăng trưởng kinh tế trong suốt thời kỳ 1989 – 2039. Nhóm dân số này đã đóng góp tới 2,91% cho tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người giai đoạn 1989-1999 và đến thời kỳ 1999-2009 mức đóng góp này giảm còn 2,75%. Tác động tích cực này nhỏ dần và sau năm 2039, tác động này đến tăng trưởng kinh tế là âm.

Tăng về quy mô dân số làm giảm tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người là 1,7% ở giai đoạn 1989-1999, và con số này ở giai đoạn 2009-2019 là khoảng 1%. Trong suốt thời kỳ cơ cấu dân số vàng, tốc độ tăng của tổng dân số nước ta giảm dần và vì thế tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế cũng giảm. Vì vậy, duy trì tỷ lệ sinh thấp như hiện nay đồng thời nâng cao chất lượng dân số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có thể tận thu được lợi tức dân số và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước.

Tính chung cho toàn yếu tố dân số thì yếu tố này đóng góp 1,2% vào tốc độ tăng GDP bình quân đầu người ở giai đoạn 1989-1999 và ở thời kỳ 1999-2009 là 1,58%. Tuy nhiên, mức đóng góp này giảm dần và sau năm 2019, tác động này là âm. Khi đó tăng trưởng kinh tế phụ thuộc chủ yếu vào năng suất lao động.

Để khẳng định vai trò của năng suất lao động đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Hình 2: Chi tiêu và thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam theo tuổi
(đơn vị: nghìn đồng)

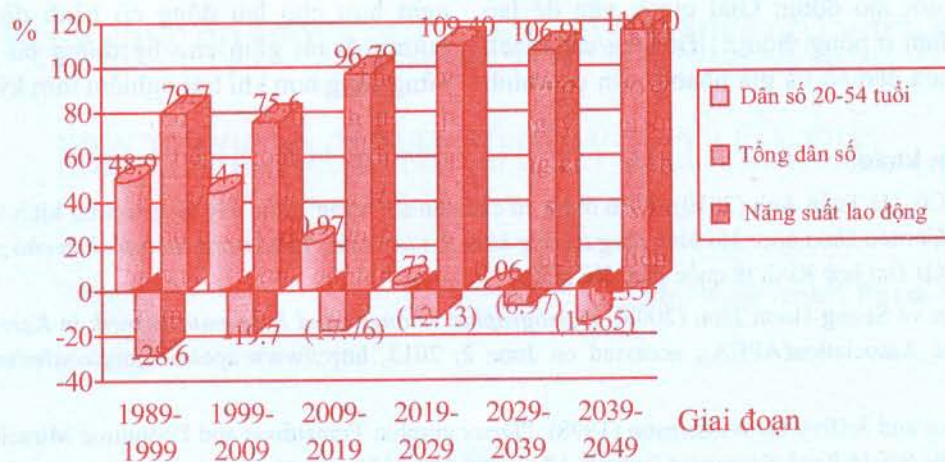


Bảng 2: Tác động của biến đổi dân số đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam, 1979-2049

Năm	1979	1989	1999	2009	2019	2029	2039	2049
Tổng dân số (tr.ng)	53,74	64,38	76,33	85,85	95,47	102,65	107,02	107,88
Tốc độ tăng (%)	-	1,806	1,703	1,175	1,062	0,725	0,417	0,080
Dân số 20-54 tuổi (tr.ng)	19,42	25,82	34,54	44,97	50,98	51,82	51,83	47,48
Tốc độ tăng (%)	-	2,848	2,910	2,639	1,254	0,163	0,002	(0,877)
Đóng góp của yếu tố dân số đến TTKT (%)	-	1,042	1,207	1,463	0,192	(0,562)	(0,415)	(0,957)

Nguồn: Tính toán từ số liệu bảng 1

Hình 3: Đóng góp của dân số, dân số hoạt động kinh tế và NSLĐ cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam, 1989-2049



Nguồn: Tính toán từ số liệu Bảng 1, Bảng 2; Số liệu về GDP giai đoạn 1989-2009 của Tổng cục Thống kê và giả định GDP giai đoạn 2009-2049 bằng với GDP của giai đoạn 1999-2009

trong dài hạn, chúng ta xem xét mức đóng góp của các yếu tố: (i) dân số, (ii) dân số hoạt động kinh tế và có tích lũy và (iii) năng suất lao động cho GDP bình quân đầu người, thể hiện qua Hình 3.

Hình 3 cho thấy:

- Giai đoạn 1989-1999, tăng trưởng GDP bình quân đầu người của Việt Nam là 5,95%/năm thì nhóm dân số 20-54 tuổi đóng góp 2,91%/năm, tức là nhóm dân số này đã đóng góp 48,9% cho tăng trưởng kinh tế (bằng 2.91/5.95). Tuy nhiên, quy mô dân số tăng nhanh trong giai đoạn này đã làm tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người giảm 28,6%, do vậy năng suất lao động thời kỳ này đóng góp 79,7%.

- Trong khoảng ba thập kỷ tới, lực lượng lao động giảm mạnh, dân số cao tuổi tăng cao do xu hướng già hóa dân số và già nhanh, vì thế, nếu muốn duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế như hiện nay (trong điều kiện giả định các yếu tố khác không đổi) thì năng suất lao động phải không ngừng tăng thêm để “gánh” những tác động tiêu cực do biến đổi tuổi dân số mang lại. Cụ thể, năng suất lao động phải tăng lên 107% ở giai đoạn 2029-2039 và ở giai đoạn 2039-2049 là 116% nếu muốn duy trì mức tăng trưởng như hiện tại. Điều này cho thấy tầm quan trọng của các chính sách đối với biến đổi dân số, đặc biệt là các chính sách nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hướng tới nâng cao năng suất lao động

5. Kết luận và gợi ý chính sách

Biến đổi dân số ở Việt Nam với số lao động tăng mạnh đúng vào thời kỳ đất nước ổn định về chính trị, đổi mới kinh tế và thực hiện mở rộng giao lưu với kinh tế thế giới, đã tạo thế và lực mới cho Việt

Nam đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế trong suốt thời kỳ 1989 – 2009. Trong khoảng 30 năm tới dân số Việt Nam còn biến động mạnh cả về quy mô và cơ cấu theo tuổi, có nhiều tác động tới tăng trưởng kinh tế. Nhiều cơ hội và thách thức cùng xuất hiện, đòi hỏi phải có các chính sách hợp lý và kịp thời, để có thể khai thác tốt nhất tiềm năng “dân số vàng” cho tăng trưởng kinh tế đồng thời chuẩn bị sẵn sàng cho giai đoạn dân số già hóa và già nhanh.

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, nhóm dân số trong tuổi lao động có thể đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam đến năm 2039, nhưng nếu tính chung cho toàn bộ yếu tố dân số (bao gồm cả nhóm dân số phụ thuộc) thì biến đổi dân số chỉ có đóng góp cho tăng trưởng kinh tế đến năm 2019. Tuy nhiên, nhóm dân số 20-54 tuổi được tính toán thay cho nhóm dân số 22-53 tuổi nên các kết quả này chỉ là một số gần đúng. Nếu suy diễn trên góc độ toán học đơn giản thì có thể đóng góp tích cực của nhóm dân số 22-53 tuổi cho tăng trưởng kinh tế sẽ bằng không trước thời điểm 2039, và như thế, tính chung cho toàn yếu tố dân số, tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế sẽ giảm dần và bằng không trước năm 2019 khoảng một vài năm.

Khi Việt Nam không còn lợi thế về số lượng lao động, chất lượng lao động thể hiện thông qua năng suất lao động sẽ là yếu tố quyết định tới tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Do vậy, các chính sách cần phải được thực hiện đồng bộ, hợp lý và kịp thời, trong đó nhóm chính sách về cải thiện chất lượng giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có vai trò quyết định. Với nhóm chính sách này cần ưu tiên quan tâm việc cải tiến chương trình và

đổi mới phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng giáo dục cao đẳng, đại học; Ưu tiên đào tạo nghề cho người lao động; Giải quyết vấn đề lao động – việc làm ở nông thôn;... Đối với các thách thức về già hóa dân số và già nhanh, cần có chính

sách về đầu tư hệ thống y tế và chiến lược an sinh xã hội phù hợp, việc xem xét điều chỉnh tăng tuổi nghỉ hưu cho lao động có trình độ cũng là một hướng đi tốt giúp cho hệ thống tài chính hưu trí vững vàng hơn khi trải nghiệm thời kỳ dân số già. □

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Đình Cừ, Hà Tuấn Anh (2010), “Tận dụng cơ cấu dân số “vàng” thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Thực trạng và lựa chọn cho giai đoạn 2011-2020*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
- Chong-bum An và Seung-Hoon Jeon (2006), *Demographic Changes and Economic Growth in Korea*, Asia-Pacific Economic Association(APEA), accessed on June 2, 2013, <http://www.apeaweb.org/confer/sea06/papers/an-jeon.pdf>.
- David E. Bloom and Jeffrey G. Williamson (1998), “Demographic Transitions and Economic Miracles in Emerging Asia”, *The World Bank Economic Review*, 12 (3), pp 419-455
- Fang Cai., and Wang Dewen (2006), “Demographic Transition and Economic Growth in China”, Paper prepared for the presentation at the International conference on the Dragon and the Elephant: *China and India's Economic Reform*, July 1st – July 2nd, 2006, Shanghai, China.
- Kelley, A. C. and R. M. Schmidt (2005), “Evolution of recent economic-demographic modeling: A synthesis.” *Journal of Population Economics*, 18(2), pp 275-300
- Naohiro Ogawa, Makoto Kondo, Rikiya Matsukura (2005), “Japan’s Transition from the Demographic Bonus to the Demographic Onus”, *Asian Population Studies*, 1(2), pp 207 – 226.
- Nguyen Thi Minh (2009), “Dynamic Demographics and Economic Growth in Vietnam”, *Journal of the Asia Pacific Economy*, 14 (4) , pp 389 – 398.
- Pei-Ju Liao (2011), “Does Demographic Change Matter for Growth?”, *European Economic Review*, Volume 55, Issue 5, June 2011, pp 659–677

The impact of population and population working on economic growth in Vietnam

Abstract:

This paper empirically studies the effect of demographics on economic growth for Vietnam through the National Transfer Accounts (NTA) and growth accounting method. Empirical results show that, the population group actually contribute to economic growth in Vietnam only the population at aged 22-53, not all of population at working age or any other age group. Population change contributed 1.2% to Vietnam's economic growth during the period from 1989 to 1999 and 1.58% in the period from 1999 to 2009. This positive impact smaller and after the year 2019, this impact on economic growth is negative. Then, economic growth totally depends on labor productivity.

Thông tin tác giả:

***Bùi Thị Minh Tiệp, Tiến sĩ**

Nơi công tác: Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Hải Phòng

Email:haminh.link@gmail.com